TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 11/3/2025.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/11/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HN, ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số F, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và T có quen nhau qua mạng xã hội khoảng 06 tháng,

rồi tự tiến đến hôn nhân, không có làm lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới không có tặng cho.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị có 01 đời chồng, sinh được 02 người con, năm 2016 chị ra Tòa ly hôn, đến năm 2019 chị và anh T xác lập hôn nhân nhưng không báo cha mẹ hai bên biết, không làm lễ cưới, không tặng nữ trang, lúc này chị và anh T sống nhà trọ tại thành phố Hồ Chí Minh, chị đi làm công nhân may còn anh T không nghề nghiệp, khi chị mang thai gần tới ngày sinh con có báo gia đình hai bên biết nhưng không có ý kiến. Đến tháng 6 năm 2022 vợ chồng sống tại huyện D tỉnh Trà Vinh thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã đánh đập với nhau nhiều lần, mỗi lần anh T uống rượu về nhà là đánh đập và chửi chị rất nhiều lần nên không sống được, chị bỏ về mẹ ruột sống, anh tiếp tục tìm kiếm đánh chị, sự việc kéo dài đến tháng 7 năm 2023 chị đi thành phố Hồ Chí Minh làm, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T chung sống người phụ nữ khác và đã sinh con, chị thấy tình cảm không còn, nay yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con tên:* Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 05/7/2019, con lúc đầu sống với chị, do cuộc sống khó khăn chị giao con cho bà ngoại giữ, anh T qua bắt con về nuôi từ tháng 11 năm 2024 đến nay. Nay chị đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, khi ly hôn chị có quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Nguyễn Hữu T là bị đơn trong vụ án vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T, về con tên Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 05/7/2019 giao cho anh T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị H nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Hữu T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị H khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị giao con cho anh T được quyền nuôi con khi ly hôn, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị H và anh T xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Chị Phạm Thị Mỹ H khai*: Quá trình chung sống đến tháng 6 năm 2022 vợ chồng sống tại huyện D tỉnh Trà Vinh thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã đánh đập với nhau nhiều lần, mỗi lần anh T uống rượu về nhà là đánh đập và chửi chị nhiều thường xuyên nên không sống được, chị bỏ về mẹ ruột sống, anh tiếp tục tìm kiếm đánh chị, sự việc kéo dài đến tháng 7 năm 2023 chị đi thành phố Hồ Chí Minh làm, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T chung sống người phụ nữ khác và đã sinh con, chị thấy tình cảm không còn, nay yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Đối với anh Nguyễn Hữu T*: Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh T đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Ngày 23/12/2024 anh T có cung cấp lời khai cho Tòa án, về hôn nhân là anh đồng ý ly hôn với chị H, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T xảy ra từ tháng 6 năm 2022 kéo dài đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, tính đến nay vợ chồng đã ly thân 20 tháng, tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh T. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là đúng quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Xét thấy chị H và anh T chung sống sinh 01 người con tên Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 05/7/2019, chị H trình bày trong thời gian sống ly thân tháng 6 năm 2022 con sống với chị, do cuộc sống khó khăn chị gửi con cho

bà ngoại chăm sóc, đến tháng 11 năm 2024 anh T qua bắt con về nuôi dưỡng cho đến nay.

Xét thấy anh T và chị H là cha mẹ của Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 05/7/2019, đều có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, do mâu thuẫn anh T tự ý bắt con về nuôi dưỡng từ tháng 11 năm 2024 đến nay, nhưng anh T vẫn chăm sóc con chu đáo về mọi mặt, tại biên bản ghi khai đề ngày 23/12/2024 anh T xin được quyền nuôi con khi ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị H cũng đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Để tạo điều kiện cho Nguyễn Phạm Quỳnh N có cuộc sống ổn định, nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là tự nguyện giao con cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chị có quyền thăm nom và chăm sóc con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ H.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- *Về quyền nuôi con:*

+ Anh Nguyễn Hữu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 05/7/2019 khi ly hôn.

+ Chị Phạm Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Phạm Thị Mỹ H nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011440, ngày 04/11/2024 do chị H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Phạm Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Phạm Thị Mỹ H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.